

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30/10/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Xuân Chuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXX-ST ngày 10/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Cao Tiến L, sinh năm 1991 - vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho nguyên đơn Anh Cao Tiến L là: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xóm H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1994 - vắng mặt

Địa chỉ: Xóm H, thị trấn L huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang lao động tại Đài Loan).

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho bị đơn Chị Đinh Thị Th là: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 04/6/2019 nguyên đơn Anh Cao Tiến L trình bày: Anh và Chị Đinh Thị Th kết hôn ngày 04/11/2013,

trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Th về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng khoảng một năm. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì anh và chị Th đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu mới sang Đài Loan tuy vợ chồng không ở gần nhau nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, sau đó thì liên lạc ít dần. Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Giữa anh và chị Th đã không còn quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Tháng 2/2018 thì anh về Việt Nam sinh sống hẳn, còn chị Th vẫn đang lao động ở Đài Loan. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Đinh Thị Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Cao L, sinh ngày 05/2/2014. Hiện nay cháu L đang ở với anh. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu L, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh thường xuyên đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên không thể về tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Th được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Th.

Anh cũng ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, trú tại: Xóm H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và thông báo lại cho anh biết.

Bị đơn Chị Đinh Thị Th (tại bản tự khai có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Loan) trình bày: Chị và Anh Cao Tiến L kết hôn ngày 04/11/2013, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng khoảng một năm. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì chị và anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu mới sang Đài Loan tuy vợ chồng không ở gần nhau nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, sau đó thì liên lạc ít dần. Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Giữa chị và anh L đã không còn quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Tháng 2/2018 thì anh L về Việt Nam sinh sống hẳn, còn chị vẫn đang lao động ở Đài Loan. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Cao L, sinh ngày 05/2/2014. Hiện nay cháu L đang ở với anh L. Ly hôn, anh L đề nghị được nuôi con chung là cháu L, chị đồng ý để cho anh L nuôi cháu L. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị đang lao động ở Đài Loan nên không thể về Việt Nam tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh L và chị được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh L và chị.

Chị cũng ủy quyền cho Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1996, trú tại: Xóm H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Tại phiên tòa nguyên đơn Anh Cao Tiến L, bị đơn Chị Đinh Thị Th đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh L; bản tự khai của chị Th, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Cao Tiến L và Chị Đinh Thị Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L, chị Th.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Cao Tiến L là nguyên đơn có đơn xin ly hôn Chị Đinh Thị Th, Chị Đinh Thị Th là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại: Xóm H, thị trấn L huyện L, tỉnh Bắc Giang, hiện đang lao động tại Đài Loan. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Cao Tiến L và Chị Đinh Thị Th kết hôn ngày 04/11/2013, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Th về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng khoảng một năm. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì anh L và chị Th đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu mới sang Đài Loan tuy vợ chồng không ở gần nhau nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, sau đó thì liên lạc ít dần. Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Giữa anh L và chị Th đã không còn quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Tháng 2/2018 thì anh L về Việt Nam sinh sống hẳn, còn chị Th vẫn đang lao động ở Đài Loan. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh L xin ly hôn chị Th, chị Th cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L, chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh L và chị Th được ly hôn.

[4]. Về con chung: Anh L chị Th có 01 con chung là cháu Cao Cao L, sinh ngày 05/2/2014. Hiện nay cháu L đang ở với anh L. Ly hôn, anh L đề nghị được nuôi con chung là cháu L, chị Th cũng đồng ý để cho anh L nuôi cháu L. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu L. Chị Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cả anh L và chị Th đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Anh L chị Th đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Cao Tiến L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh L đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xét:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Tiến L được ly hôn Chị Đinh Thị Th

2.Về con chung: Giao cho Anh Cao Tiến L nuôi dưỡng con chung là cháu Cao Cao L, sinh ngày 05/2/2014. Chị Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Anh Cao Tiến L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000383 ngày 01/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh L đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo: Anh Cao Tiến L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Đinh Thị Th hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nguyễn Văn Nhiên